TAND HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số**: 124 /**2017/HS-ST
Ngày 08/12/2017

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Quý;
2. Ông Phạm Tiến Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Mạnh Hà - Thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 08/12/2017, tại trụ sở TAND huyện Chương Mỹ xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 144/2017/TLST – HS ngày 27/11/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2017/QĐXXST – HS ngày 27 tháng 11 năm 2017 đối với:

1. ***Bị cáo***: **Bùi Văn Th**, sinh năm 1989. Đăng ký HKTT tại: Xóm T, xã V, huyện L, tỉnh Hoà Bình. Tạm trú tại: Thôn N, xã H, huyện L1, tỉnh Hòa Bình. Văn hoá: 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Mường. Tôn giáo: Không. Con ông Bùi Hồng Nh, sinh năm 1960 và bà Bùi Thị Ngh, sinh năm 1960. Có vợ là Bùi Thị N, sinh năm 1988 và 02 con - lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Chưa. Đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2017. Danh chỉ bản số 449 do Công an huyện Chương Mỹ lập ngày 21/10/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Chương Mỹ. Có mặt tại phiên tòa.

2. ***Người bị hại***: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987; HKTT: Thôn C, xã CR, huyện L1, tỉnh Hòa Bình.Có mặt tại phiên tòa.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1968. Đăng ký HKTT và cư trú tại: Số 24, CB, xã T, huyện Th, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9/2017, Bùi Văn Th làm quen với chị Nguyễn Thị Th qua mạng xã hội Zalo (khi làm quen Th giới thiệu tên là "Đ" còn chị Th giới thiệu tên là "Lệ". Sau nhiều lần đi chơi cùng nhau, Th biết chị Th có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 28K1-014.31 nên Th nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của chị Th. Ngày 17/10/2017, Th hẹn chị Th đón đi chơi, khoảng 20 giờ cùng ngày chị Th điều khiển xe máy BKS 28K1-014.31 đến cổng Khu công nghiệp Lương Sơn đón Th cùng đi chơi tại khu vực thị trấn XM, huyện C, Thành phố Hà Nội. Sau đó, cả hai vào quán bán nước của chị Trần Thị L, sinh năm 1981 ở cổng phụ trường Đại học Lâm nghiệp thuộc khu T, thị trấn XM, huyện C, Thành phố Hà Nội uống nước. Tại đây, Th mượn điện thoại di động của chị Th rồi thay đổi số điện thoại của Th trong danh bạ điện thoại của chị Th với mục đích để chị Th sẽ không liên lạc được với Th nữa. Sau đó, Th giả vờ nghe điện thoại, nhưng thực tế không có ai gọi cho Th. Nghe xong, Th nói dối chị Th có bạn ở gần muốn đến uống nước cùng và hỏi mượn xe máy của chị Th để đi đón bạn một lúc sẽ quay về trả. Chị Th tin tưởng giao xe máy của mình cho Th mượn. Lấy được xe, Th điều khiển xe đến ngã tư thị trấn XM thì dừng lại, mở cốp xe ra kiểm tra, thấy trong cốp có để 01 giấy đăng ký xe máy BKS 28K1-014.31, Th cầm giấy đăng ký rồi mang xe đến cửa hàng "Cầm đồ 24" do anh Nguyễn Văn Ph làm chủ và cầm cố xe máy cùng giấy đăng ký xe cho anh Ph lấy 6.000.000 đồng chi tiêu cá nhân. Chị Th chờ đến 23giờ cùng ngày, không thấy Th quay lại trả xe, gọi điện thoại cho Th nhưng không gọi được (do Th đã thay đổi số trước đó). Lúc này, chị Th biết bị Th lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe máy nên đến Công an thị trấn XM trình báo.

Ngày 19/10/2017, biết không thể lẩn trốn được, Bùi Văn Th đã đến Công an thị trấn XM đầu thú khai nhận hành vi đã thực hiện.

Ngày 20/10/2017, sau khi được thông báo chiếc xe máy BKS 28K1-014.31 là tài sản do người khác phạm tội mà có, anh Nguyễn Văn Ph tự nguyện giao nộp chiếc xe cùng Giấy đăng ký xe cho Cơ quan điều tra Công an huyện Chương Mỹ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 261 ngày 20/10/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chương Mỹ kết luận: Chiếc xe máy BKS 28K1-014.31 (chiếc xe mà Th chiếm đoạt của chị Th) có giá trị 10.500.000 đồng.

Cáo trạng số 139/CT- VKS ngày 27/11/2017, VKSND huyện Chương Mỹ truy tố Th về tội "***Lừa đảo chiếm đoạt tài sản***" theo khoản 1 điều 139 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự và Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo Th từ 12 đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 24 đến 30 tháng. Trả tự do cho bị cáo, nếu bị cáo Th không bị giam giữ về một tội phạm khác. Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện đúng như cáo trạng đã quy kết và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không tranh luận bào chữa gì thêm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại trình bày: Hành vi của bị cáo Th đã thực hiện đúng như cáo trạng đã quy kết và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Chị đã nhận lại xe máy và Giấy đăng ký xe máy, đề nghị xử lý Th theo quy định pháp luật và buộc Th phải trả lại chị: 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 Giấy phép lái xe mô tô đều mang tên chị Th và 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm xe máy BKS 28K1-014.31. Nếu Th không trả lại chị các giấy tờ này thì phải bồi thường cho chị 1.200.000 đồng để chị đi làm lại các giấy tờ đó và đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường chị 70.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần và 7.000.000 đồng do thất thu không đi làm được vì bị Th chiếm đoạt xe máy.

Kiểm sát viên đối đáp với người bị hại: Không có căn cứ xác định bị cáo làm mất hoặc chiếm đoạt của người bị hại: 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 Giấy phép lái xe mô tô và 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm xe máy BKS 28K1-014.31, việc người bị hại yêu cầu bồi thường 78.200.000 đồng là không có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu này của người bị hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Ph vắng mặt tại phiên tòa. Trong giai đoạn điều tra trình bày quan điểm: Anh đã được gia đình bị cáo hoàn trả số tiền 6.000.000 đồng không yêu cầu gì thêm.

*** Về vật chứng:**

- Chiếc xe máy BKS 28K1-014.31 và 01 giấy đăng ký xe Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho chị Nguyễn Thị Th ngày 30/10/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về Tố tụng:

Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về hoạt động: "Điều tra", "Truy tố" đồng thời đã giải thích và tạo điều kiện để người bị hại, bị cáo, người tham gia tố tụng khác thực hiện đủ, đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, vắng mặt không có lý do. Căn cứ đề nghị của bị cáo; Kiểm sát viên và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nghị bàn tại bàn xét xử, quyết định áp dụng điều 191 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xem xét lời khai của bị cáo, đánh giá hành vi của bị cáo và đối chiếu với quy kết tại cáo trạng số 139/CT- VKS ngày 27/11/2017 và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với: Lời khai của người bị hại; Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Vật chứng đã thu giữ; Kết luận định giá tài sản và phù hợp với diễn biến khách quan của vụ án. Có đủ cơ sở khẳng định:

Do đã tạo được mối quan hệ quen biết, phát hiện người bị hại có tài sản, bị cáo nảy sinh mục đích chiếm đoạt tài sản của người bị hại, bị cáo đã tạo niềm tin bằng cách rủ người bị hại đi chơi. Khoảng 21 giờ ngày 17/10/2017, tại quán nước ở cổng phụ trường Đại học Lâm nghiệp trong khi đang ngồi với người bị hại là chị Th. Th đã dùng thủ đoạn gian dối hỏi mượn xe máy của chị Th để đi đón bạn (nhưng thực chất là không có việc đón bạn). Khi chị Th tin tưởng giao xe máy thì chiếm đoạt chiếc xe máy trị giá 10.500.000 đồng của chị mang đi cầm cố lấy 6.000.000 đồng chi tiêu cá nhân rồi lẩn trốn. Đối chiếu với quy định tại điều 139 Bộ luật hình sự, có đủ căn cứ pháp luật quy kết bị cáo Th phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Cáo trạng của VKSND huyện Chương Mỹ truy tố bị cáo theo khoản 1 điều 139 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

2.2. Đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng đối với bị cáo.

2.2.1. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

2.2.2. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tác động đến gia đình để bồi hoàn đầy đủ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đến đầu thú tại Cơ quan Công an, có ông bà nội là người có công với cách mạng là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, được Hội đồng xét xử áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Quan điểm của Kiểm sát viên về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng đối với bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

2. 3. Xem xét loại, mức hình phạt cần áp dụng đối với bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác trái với pháp luật hình sự. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội nhằm mục đích răn đe riêng và phòng ngừa chung.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng; tài sản phạm tội đã được thu hồi trả người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo với xã hội, mà áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật cũng có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội, đồng thời áp dụng thêm Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả tự do cho bị cáo, nếu bị cáo Th không bị giam giữ về một tội phạm khác.

Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

2.4. Xem xét lời khai của người bị hại:

Chị Th khai báo diễn biến xảy ra việc bị cáo Th gian dối chiếm đoạt tài sản của chị là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Đối với việc chị Th khai bị cáo Th còn chiếm đoạt của chị: 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 Giấy phép lái xe mô tô mang tên chị Th, 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm xe máy BKS 28K1-014.31. Tuy nhiên không có căn cứ để chứng minh và bị cáo không thừa nhận nên không có cơ sở xem xét.

2.4. Xem xét lời khai, trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Ph phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến khách quan của vụ án.

Hành vi nhận cầm cố chiếc xe máy BKS 28K1-014.31, không biết đó tài sản do Th lừa đảo chiếm đoạt được của chị Th mà có, nên không cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Song tài sản mà anh nhận cầm cố là loại tài sản có đăng ký quyền sở hữu, khi Th cầm cố thì Th không phải là sở hữu chính chủ, không có giấy ủy quyền hợp lệ của người chủ sở hữu chính là vi phạm quy định tại điểm e khoản 2 Điều 11 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Tuy nhiên hành vi vi phạm của anh Ph xảy ra tại địa bàn huyện T, không thuộc thẩm quyền xử lý hành chính của Công an huyện Chương Mỹ, Công an huyện Chương Mỹ đã có Công văn đề nghị Công an huyện T xử lý theo thẩm quyền, thông báo kết quả đến Cơ quan điều tra Công an huyện Chương Mỹ là có căn cứ.

***2.5. Về trách nhiệm dân sự*:**

Quá trình điều tra người bị hại Th đã nhận lại tài sản chiếc xe máy BKS 28K1-014.31cùng giấy đăng ký của xe, không yêu cầu bồi thường dân sự về phần này nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với việc chị Th yêu cầu buộc bị cáo phải bồi thường cho chị 1.200.000 đồng để chị đi làm lại: 01 Giấy chứng minh nhân dân, Giấy phép lái xe mô tô và Giấy chứng nhận bảo hiểm xe máy BKS 28K1-014.31 và 77.000.000 đồng tổn thất về tinh thần và mất thu nhập do không có xe máy đi làm là không có căn cứ pháp luật. Vì: Quá trình điều tra và tại phiên tòa chi Th không có bất kỳ một tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình. Như nhận định trên không có căn cứ xác định bị cáo Th là người chiếm đoạt hoặc làm mất các loại giấy tờ theo trình bày của chị Th và bị cáo không chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của chị nên không có cơ sở xem xét.

Phần đối đáp của Kiểm sát viên về yêu cầu dân sự phát sinh của người bị hại là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Ph đã được gia đình bị cáo hoàn trả số tiền 6.000.000 đồng, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

***2.6. Về Vật chứng của vụ án*:**

Vật chứng đã thu giữ được trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng - trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ.

[3] . Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Bùi Văn Th** phạm tội: " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 139; điểm h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự; Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự. Phạt **Bùi Văn Th 09** (***Chín***) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là **18** (***Mười tám***) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do cho bị cáo Bùi Văn Th ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị giam giữ về một tội phạm khác.

Giao Bùi Văn Th cho Uỷ ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Hoà Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Căn cứ vào: Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Buộc **Bùi Văn Th** phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo:

Bị cáo; Người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án sơ thẩm hoặc bản án sơ thẩm được niêm yết theo quy định pháp luật.

T/M . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Minh Hoàng

NƠI GỬI:
- TAND thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp Hà Nội;
- VKSND, Công an huyện Chương Mỹ.
- THAHS, THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã V, huyện L;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có QL,NVLQ
- Lưu HS, VP.